

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 792/NĐCP-KHĐT-VT

Cẩm Phả, ngày 18 tháng 8 năm 2024

V/v: Thư mời chào giá lập dự toán mua
sắm vật tư

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP đang có nhu cầu mua sắm ống bộ hâm và ống tái nhiệt cấp 2.

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP kính mời Quý Công ty tham gia chào giá với nội dung như sau:

I. Yêu cầu về hàng hóa

1. Thông tin về vật tư cần mua:

- Tên đơn hàng: Mua sắm ống bộ hâm và ống tái nhiệt cấp 2.
- Số hiệu đơn hàng: 145/ĐH-NĐCP
- Chi tiết Đơn hàng (Theo bảng kê chi tiết đính kèm):

Lưu ý: Trong quá trình chuẩn bị báo giá, nhà cung cấp phải khảo sát kỹ thông số kỹ thuật, tình trạng thiết bị của đơn hàng nhằm đảm bảo tính tương thích về môi trường, điều kiện vận hành, chất lượng hàng hóa phù hợp nhu cầu, đảm bảo hiệu quả sử dụng tại nhà máy.

2. Nội dung Hồ sơ chào giá:

a. Yêu cầu về thương mại:

- Đơn giá, tổng giá trị phải được chào bằng VNĐ và được hiểu là giá giao tại kho bên mua và đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo quy định của Nhà nước.
- Bản chào giá ghi đầy đủ hãng, nước sản xuất.
- Địa điểm giao hàng: kho vật tư của Công ty tại Tổ 4, khu 4A, P.Cẩm Thịnh, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá tối thiểu là 30 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp báo giá được ghi trong bản yêu cầu.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng.
- Thời gian bảo hành: 12 tháng kể từ ngày hai bên ký kết Biên bản kiểm nghiệm vật tư.
- Thời gian thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản qua Ngân hàng trong vòng 30 ngày sau khi bên B bàn giao đầy đủ hàng hóa, đạt yêu cầu kỹ thuật và có đủ chứng từ thanh toán cho bên A.

b. Yêu cầu về hàng hóa

- Hàng hóa phải mới 100%, chưa qua sử dụng, đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật. Hàng hóa, vật tư cung cấp phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, có giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng sản phẩm khi giao hàng. Với các mục hàng nhập khẩu: Cam kết cung cấp đầy đủ Giấy chứng nhận xuất xứ (CO), Giấy chứng nhận chất lượng (CQ) (CO do đơn vị có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp cho đơn vị nhập khẩu tại Việt Nam). Cam kết xuất trình tờ khai Hải quan (bản gốc) nếu là nhà thầu trực

tiếp nhập khẩu hoặc tờ khai Hải quan (bản sao) được đóng dấu và xác nhận sao y bản chính của đơn vị nhập khẩu nếu là hàng hoá nhà thầu mua thông qua các đại lý khi Chủ đầu tư yêu cầu. Với các mục hàng sản xuất trong nước: Cấp Cam kết nguồn gốc xuất xứ và chất lượng hàng hóa, riêng các mục hàng có giá trị sau thuế từ 50 triệu đồng hoặc đơn giá từ 20 triệu đồng trở lên yêu cầu cấp CQ của nhà sản xuất. Trong trường hợp số lượng và mục hàng trên CO, CQ trùng với số lượng của Hợp đồng thì phải cung cấp bản gốc.

- Hàng hóa được sản xuất từ năm 2023 trở lại đây.
- Nhà cung cấp chào giá cho toàn bộ hàng hóa theo thư mời.

II. Hình thức tham gia và thời gian chào giá

1. Hình thức chào giá

- Bản chào giá phải do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký thay phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của nhà cung cấp kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao nhiệm vụ hoặc văn bản tương đương.

- BCG (theo biểu mẫu đính kèm).

- Bản chào giá được gửi trong phong bì kín, ghi đầy đủ tên, địa chỉ của cá nhân/nhà cung cấp gửi, có niêm phong ghi rõ nội dung: **Bản chào giá theo thư mời số .792./NDGP-KHĐTVT ngày 22/8/2024** và gửi thư chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp về địa chỉ như sau:

Địa chỉ nhận bản chào giá:

- + Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV.
- + Địa chỉ: Tổ 4, khu 4A, phường Cẩm Thịnh, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
- + Điện thoại: 02033 734 900

- Mọi thắc mắc xin liên hệ cán bộ phụ trách: Hoàng Thị Thu Hương, phòng Kế hoạch-Đầu tư-Vật tư; điện thoại: 0982 542 212

- Thời gian nhận bản chào giá chậm nhất vào ..09 giờ 00' ngày ..06./9/2024 .

- Thời gian và địa điểm mở bản chào giá vào lúc vào ..09.. giờ 30' ngày ..06./9/2024 tại trụ sở Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV.

- Các bản chào giá không thực hiện như đúng hình thức yêu cầu trong thư mời bên mời cung cấp có quyền không tiếp nhận, không mở chào giá và trả về nhà cung cấp nếu phong bì thư có ghi rõ địa chỉ nhà cung cấp.

- Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP mời các nhà cung cấp đã nộp BCG chứng kiến và xác nhận việc mở BCG, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở BCG vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong Thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của các nhà cung cấp.

- Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả -TKV rất mong được sự hợp tác của quý đơn vị.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (B/c)
- Trang Web TKV (đăng tải);
- Trang Web ĐLTKV (đăng tải);
- Tổ tư vấn LCNCC;
- Phòng KH-ĐT-VT;
- Lưu Văn thư, HTTH(1).

KT.GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Vũ Hoàng Lân

(Đính kèm thư mời chào giá số 79/NĐCP-KHĐTVT ngày 22 tháng 8 năm 2024)

STT	Tên loại ống	Thông số kỹ thuật	Thành phần hóa học	Thành phần cơ tính	Bản vẽ đính kèm	ĐVT	Số lượng
1	Ống bộ hâm	D38,1x3,81; VL SA210C	C(%) ≤0.27; MN(%) 0,29-1,06; Si(%) ≥0.10; CR ≤0.4; S(%) ≤0.025; P(%) ≤0.025	Sức bền kéo 485 MPa Sức bền nén 275 MPa	111455-121-010	Giàn	403
2	Ống tái nhiệt cấp 2	Gồm 2 loại vật liệu: - Ống số 1,2,3,4,5,6,8,9 D44,5x3,71; VL SA213 T11	C(%) ≤0.05-0,15; MN(%) 0,3-0,6; P(%) ≤0.025; S(%) ≤0.025; Si(%) ≥0.5-1 Cr (%) 1-1,5; Mo (%) 0,44-0,65	Sức bền kéo 415 MPa Sức bền nén 220 Mpa Độ giãn dài 30% Độ cứng 179 HB	111455-181-020	Giàn	40
		- Ống số 7,10,11,12,13,14,15. D44,5x4,5 VL SA213 T22	C(%) ≤0.05-0,15; MN(%) 0,3-0,6; P(%) ≤0.025; S(%) ≤0.025; Si(%) ≤0.5 Cr (%) 1,9-2,6; Mo (%) 0,87-1,13	Sức bền kéo 415 MPa Sức bền nén 205 Mpa Độ giãn dài 30% Độ cứng 163 HB			

BIỂU MẪU BẢN CHÀO GIÁ

Ngày: (Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng)

Tên đơn hàng: (Ghi tên đơn hàng theo Thư mời chào giá)

Số hiệu đơn hàng: (Ghi số hiệu đơn hàng theo Thư mời chào giá)

Số TT (Theo thư mời)	Tên vật tư, hàng hóa	Quy cách – Thông số kỹ thuật		Đơn vị tính	Hãng/ nước sản xuất		Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền trước thuế (VNĐ)	Thuế GTGT (VNĐ)		Thành tiền sau thuế (VNĐ)
		Theo thư mời	Chào giá		Theo thư mời	Chào giá (ghi đầy đủ hãng/ nước sản xuất)				8%	10%	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Hàng hóa thứ nhất.											
2	Hàng hóa thứ nhất.											
n	Hàng hóa thứ n											
Tổng giá trị												

1. Giao hàng:

- a) Thời gian giao hàng:
- b) Địa điểm giao hàng:
- c) Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hóa

2. Thanh toán:

3. Hàng hóa

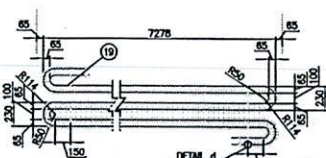
- Chất lượng: Hàng hóa phải mới 100%, chưa qua sử dụng, đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật.
- Các giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng sản phẩm khi giao hàng: (Nhà cung cấp ghi rõ tên các loại giấy tờ).

4. Bảo hành (nếu có):

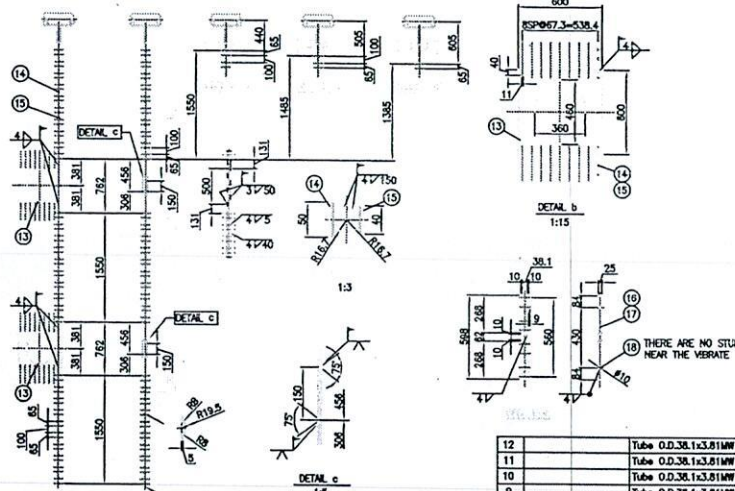
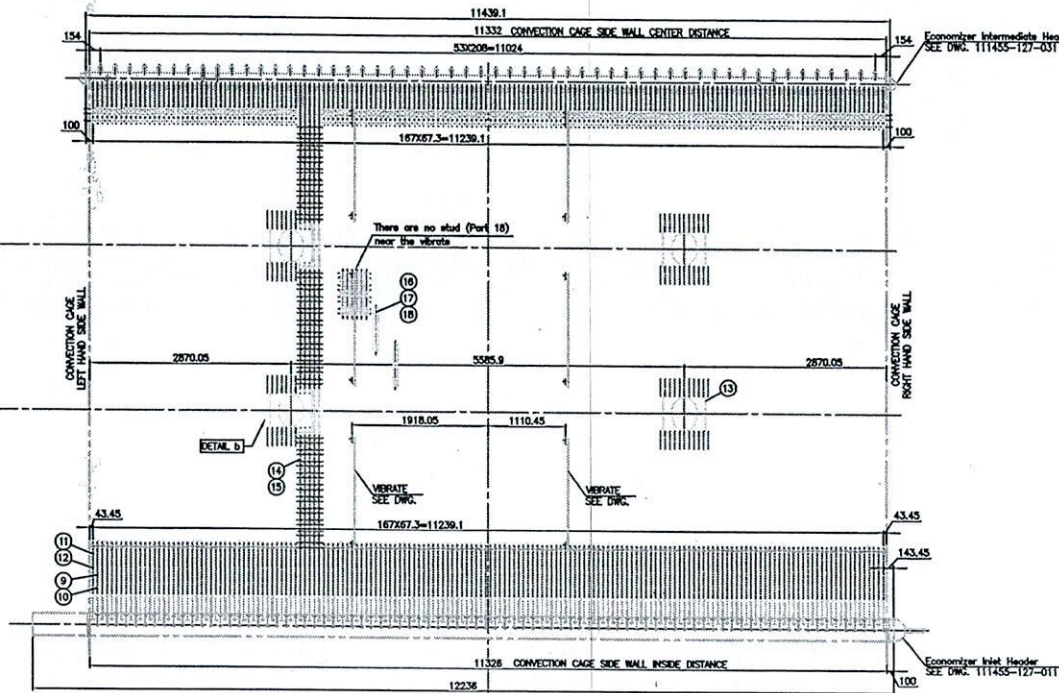
5. Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng (nếu có):

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

(Ghi chú: ở cột số (11); (12): Nhà cung cấp ghi giá trị thuế GTGT ở cột áp dụng thuế suất tương ứng với hàng hóa.



TYPICAL CON
1:20



TYPICAL Hanging Steel

19	Tube 0.038,1x4.95MW	SA-210A1
18	Stud For H-Clip #10	A-240-30H1
17	Bar For H-Clip 30X25x10	A-240-30H1
16	Bar For H-Clip 50X25x10	A-240-30H1
15	Bar For Economizer Hanging Steel 40x5	13C40x44
14	Bar For Economizer Hanging Steel 50x5	13C40x44
13	PLATE 600X600X12	SA367-22-2

12		Tube 0.338,1x3.611MW	SA-210A1		
11		Tube 0.338,1x3.611MW	SA-210A1		
10		Tube 0.338,1x3.611MW	SA-210A1		
9		Tube 0.338,1x3.611MW	SA-210A1		
8		Tube 0.338,1x3.611MW	SA-210A1		
7		Tube 0.338,1x3.611MW	SA-210A1		
6		Tube 0.338,1x3.611MW	SA-210A1		
5		Tube 0.338,1x3.611MW	SA-210A1		
4		Tube 0.338,1x3.611MW	SA-210A1		
3		Tube 0.338,1x3.611MW	SA-210A1		
2		Tube 0.338,1x3.611MW	SA-210A1		
1		Tube 0.338,1x3.611MW	SA-210A1		
ITEM	QWG. NO.	ITEM NO.	DESCRIPTION	MATL.	ASSYS

MATERIAL LIST

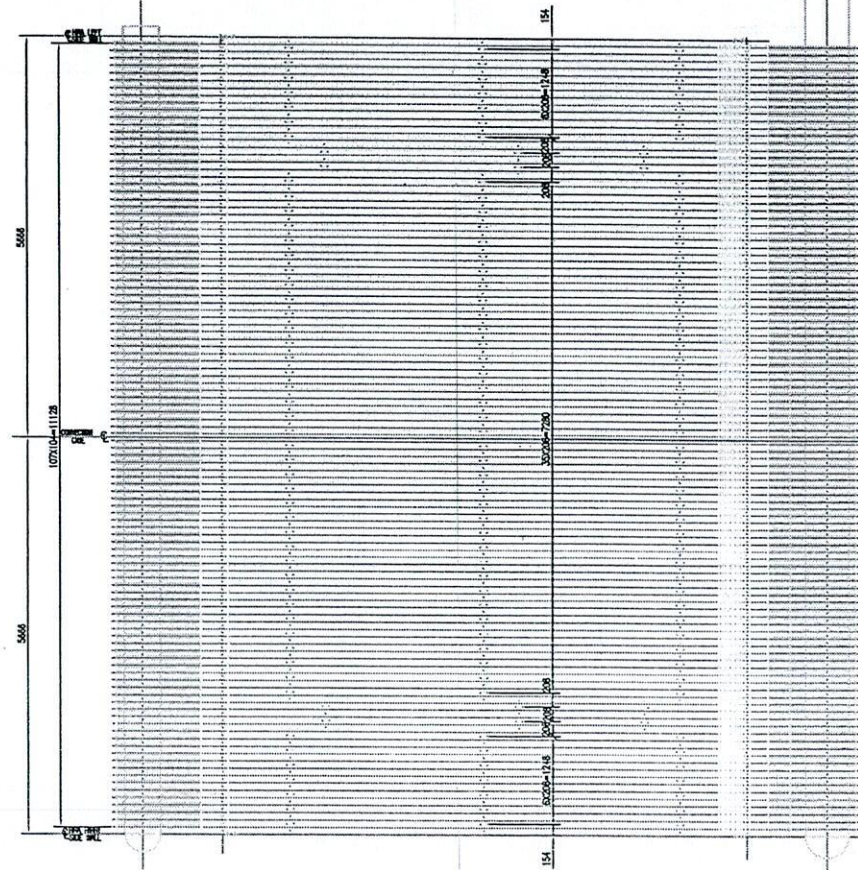
MATERIAL LIST

- | GENERAL NOTES: | |
|----------------|--|
| 1. | DO NOT SCALE THIS DRAWING. USE FIGURE DIMENSIONS ONLY. |
| 2. | ABBREVIATIONS USED ON THIS DRAWING ARE IN ACCORDANCE WITH ASME Y14.30, "ABBREVIATIONS AND ACRONYMS" |
| 3. | ALL WELD SYMBOLS USED ON THIS DRAWING IN ACCORDANCE WITH AMERICAN WELDING SOCIETY PUBLICATION AWS/A5.2, "STANDARD WELD SYMBOLS FOR WELDING BRAZING AND NONDESTRUCTIVE EXAMINATION" |
| 4. | SHOP IS PERMITTED TO SHIP AND OR ALL ATTACHMENTS TO THE FILED FOR ON SITE ERECTION. ALL FIELD WELDS TO BE OF SHOP WELD QUALITY. |

REFERENCE DRAWINGS

1. Economizer Inlet Header 111455-127-011
2. Economizer Intermediate Headers 111455-127-031
3. AVI-VIBRATION BAFFLES & EROSION PROTECTION 111455-129-010-013

[illegible]

[illegible]

- [illegible]